

Số: 51/2024/QĐST-HNGĐ

Yên Mô, ngày 17 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 39/2024/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh Tống Văn L, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Xóm V, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Chị Bùi Minh C, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Xóm V, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 9 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Tống Văn L và chị Bùi Minh C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Tống Văn L và chị Bùi Minh C có 02 con chung là cháu Tống Việt A, sinh ngày 09/11/2020; cháu Tống Nhật A1, sinh ngày

09/11/2020. Chị Bùi Minh C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu Tống Việt A và cháu Tống Nhật A1 cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Tống Văn L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Tống Việt A và Tống Nhật A1 cho chị C mỗi tháng là 2.000.000 đồng/cháu (*Hai triệu đồng /cháu*); thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10 năm 2024 cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Chị Bùi Minh C cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Tống Văn L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; anh Tống Văn L không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.2 Về tài sản chung, nợ chung: Anh Tống Văn L và chị Bùi Minh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh Tống Văn L phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí thuận tình ly hôn và 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng định kỳ, tổng cộng là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001921 ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã Yên Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn

